

HOÀNG VĂN VÂN (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN QUỐC TUẤN (Chủ biên)  
PHAN HÀ – ĐỖ THỊ NGỌC HIỀN – ĐÀO NGỌC LỘC  
TRẦN HƯƠNG QUỲNH – NGUYỄN MINH TUẤN



# Tiếng Anh 4

SÁCH HỌC SINH

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



macmillan  
education

**SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA  
THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4**

(theo Quyết định số 1908/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



## HƯỚNG DẪN KÍCH HOẠT HỌC LIỆU SỐ

**1**

Truy cập: [hoclieu.vn/nhapma](http://hoclieu.vn/nhapma)  
hoặc quét mã QR để tải ứng dụng



**2**

Đăng nhập/ Đăng ký



**3**

Nhập mã kích hoạt 16 kí tự

 -  -  - 

**4**

Chọn học liệu và nhấn kích hoạt



Cào để lấy mã kích hoạt



*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng  
các em học sinh lớp sau!*

HOÀNG VĂN VÂN (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN QUỐC TUẤN (Chủ biên)  
PHAN HÀ – ĐỖ THỊ NGỌC HIỀN – ĐÀO NGỌC LỘC  
TRẦN HƯƠNG QUỲNH – NGUYỄN MINH TUẤN



# Tiếng Anh 4

SÁCH HỌC SINH

TẬP MỘT

(Bản in thử)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



---

**Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn  
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn  
trong cuốn sách này.**

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**  
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**  
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: LÊ THỊ HUỆ – VŨ THỊ LAI – LÊ NGUYỄN HOÀI NGÂN  
NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ – LÊ KHÁNH TÙNG

Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: TRẦN ANH MINH

Trình bày bìa: NGUYỄN VIỆT HÀ

Minh họa: NGUYỄN THỊ THANH VÂN – LÊ MẠNH CƯỜNG

NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ – NGUYỄN HỒNG QUÂN

Sửa bản in: TRẦN THU HÀ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sách được biên soạn, biên tập, thiết kế với sự cộng tác của Nhà xuất bản Macmillan (MPC) và các biên tập viên Ken Wilson, Cauvis Fung và Ivy Wang.

---

© Vietnam Education Publishing House (VEPH) & Macmillan (MPC), 2023

---

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Macmillan (MPC).

## **TIẾNG ANH 4 – GLOBAL SUCCESS – SÁCH HỌC SINH, TẬP MỘT**

**Mã số: G3HH4A001A23**

In ... bản, (QĐ ...) khổ 20 x 28 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/176-2097/GD.

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm ....

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35120-3

Tập hai: 978-604-0-35121-0

# LỜI NÓI ĐẦU

**Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách học sinh, tập một** được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo “Chương trình Giáo dục phổ thông: Chương trình môn Tiếng Anh” (từ lớp 3 đến lớp 12) ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với sự hợp tác chặt chẽ về chuyên môn và kĩ thuật của Nhà xuất bản Macmillan (MPC). Sách được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó ưu tiên phát triển hai kĩ năng nghe và nói.

**Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách học sinh, tập một** xoay quanh hai chủ điểm giao tiếp gần gũi với học sinh: *Me and My Friends* và *Me and My School*. Mỗi chủ điểm được chia thành năm đơn vị bài học (Unit) tương ứng với năm chủ đề của chương trình. Sau năm đơn vị bài học là một bài ôn (Review & Extension activities) tập trung vào các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ cơ bản (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp).

**Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách học sinh, tập một** được biên soạn dựa trên những cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy và học tiếng Anh tiểu học ở Việt Nam, có tính đến tâm lí lứa tuổi và giao lưu quốc tế.

Các tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà giáo, phụ huynh học sinh và đồng đảo bạn đọc quan tâm để sách được hoàn thiện hơn.

*Các tác giả*

# Book map

ME AND MY FRIENDS			
Competences	Structures	Vocabulary	Phonics
<b>Starter</b>		<b>Page 7</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Greeting and self-introducing</li> <li>Talking about activities in the classroom</li> <li>Talking about outdoor activities</li> </ul>			
<b>Unit 1 My friends</b>			<b>Page 10</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about where you are from</li> <li>Asking and answering questions about where someone is from</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Where are you from? – I'm from ...</li> <li>Where's he / she from? – He's / She's from ...</li> </ul>	America, Australia, Britain, Japan, Malaysia, Singapore, Thailand, Viet Nam	America Australia
<b>Unit 2 Time and daily routines</b>			<b>Page 16</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and telling the time</li> <li>Asking and answering questions about daily routines</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>What time is it? – It's ...</li> <li>What time do you ...? – I ... at ...</li> </ul>	at, fifteen, forty-five, o'clock, thirty get up, go to bed, go to school, have breakfast	get bed
<b>Unit 3 My week</b>			<b>Page 22</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about the days of the week</li> <li>Asking and answering questions about what someone does on the days of the week</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>What day is it today? – It's ...</li> <li>What do you do on ...? – I ...</li> </ul>	Friday, Monday, Saturday, Sunday, Thursday, Tuesday, Wednesday do housework, listen to music, study at school	music Sunday
<b>Unit 4 My birthday party</b>			<b>Page 28</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about birthdays</li> <li>Asking and answering questions about what someone wants to eat / drink</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>When's your birthday? – It's in ...</li> <li>What do you want to eat / drink? – I want ...</li> </ul>	April, February, January, March, May birthday, chips, grapes, jam, juice, lemonade, party, water	jam water
<b>Unit 5 Things we can do</b>			<b>Page 34</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about someone's abilities</li> <li>Talking about abilities and lack of abilities</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Can you ...? – Yes, I can. / No, I can't.</li> <li>Can he / she ...? – Yes, he / she can. No, he / she can't, but he / she can ...</li> </ul>	can, cook, draw, play the guitar, play the piano, ride a bike, ride a horse, roller skate, swim but	yes no
<b>Review 1 &amp; Extension activities</b>		<b>Pages 40 &amp; 42</b>	

ME AND MY SCHOOL			
Competences	Structures	Vocabulary	Phonics
<b>Unit 6 Our school facilities</b>		<b>Page 44</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about the location of a school</li> <li>Asking and answering questions about the quantity of school facilities</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Where's your school? – It's in the ...</li> <li>How many ... are there at your school? – There is / are ...</li> </ul>	city, mountains, town, village building, computer room, garden, playground	mountains villages
<b>Unit 7 Our timetables</b>		<b>Page 50</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about school subjects</li> <li>Asking and answering questions about timetables</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>What subjects do you have today? – I have ...</li> <li>When do you have ...? – I have it on ...</li> </ul>	art, English, history and geography, maths, music, science, Vietnamese days of the week (review)	Vietnamese science
<b>Unit 8 My favourite subjects</b>		<b>Page 56</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about someone's favourite subjects</li> <li>Asking for and giving reasons for liking a school subject</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>What's your favourite subject? – It's ...</li> <li>Why do you like ...? – Because I want to be ...</li> </ul>	IT, PE English teacher, painter, maths teacher because, why	like write
<b>Unit 9 Our sports day</b>		<b>Page 62</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about sports day</li> <li>Asking and answering questions about when a sports day is</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Is your sports day in ...? – Yes, it is. / No, it isn't. It's in ...</li> <li>When's your sports day? – It's in ...</li> </ul>	December, June, July, November, October, September sports day	February July
<b>Unit 10 Our summer holidays</b>		<b>Page 68</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Asking and answering questions about if someone was somewhere in the past</li> <li>Asking and answering questions about where someone was in the past</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Were you ... last weekend? – Yes, I was. / No, I wasn't.</li> <li>Where were you last summer? – I was in ...</li> </ul>	beach, campsite, countryside Bangkok, London, Sydney, Tokyo last, yesterday at, on, in (+ place)	were where
<b>Review 2 &amp; Extension activities</b>		<b>Pages 74 &amp; 76</b>	
<b>Wordlist</b>		<b>Page 78</b>	

# CHARACTERS



**Ms Hoa**



**Mr Long**



**Ben**



**Bill**



**Linh**



**Lucy**



**Mai**



**Mary**



**Minh**



**Nam**

# Starter

## A. HELLO AGAIN!

### 1 Let's sing.

Track 1

Hello. How are you?

Hello, hello.

How are you?

How are you?

I'm fine, thank you.

I'm fine, thank you.



Hi, hi.

This is Mary.

This is Mai.

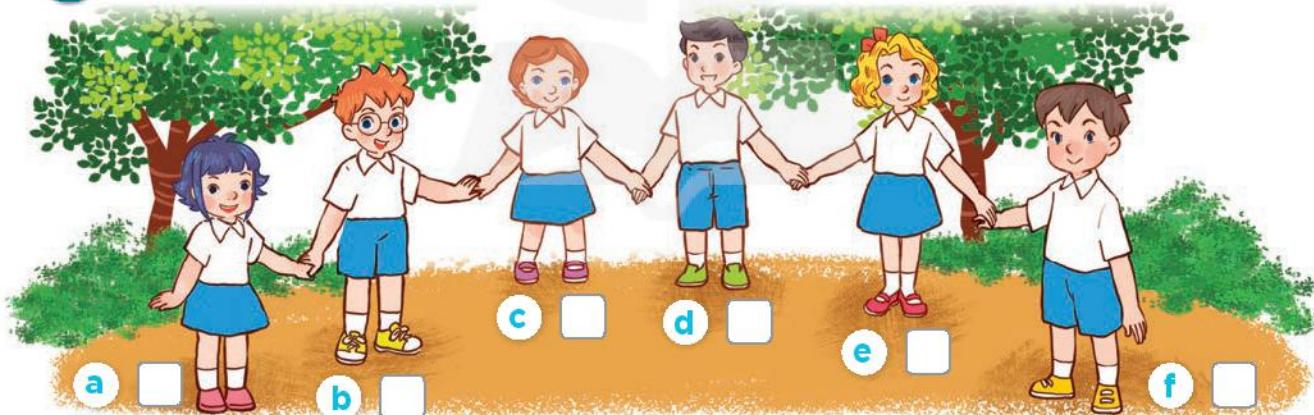
Nice to see you.

Nice to see you.



### 2 Listen and tick.

Track 2



### 3 Let's play.

Spelling bee

friend

F-R-I-E-N-D

## B. CLASSROOM ACTIVITIES

### 1 Let's chant.

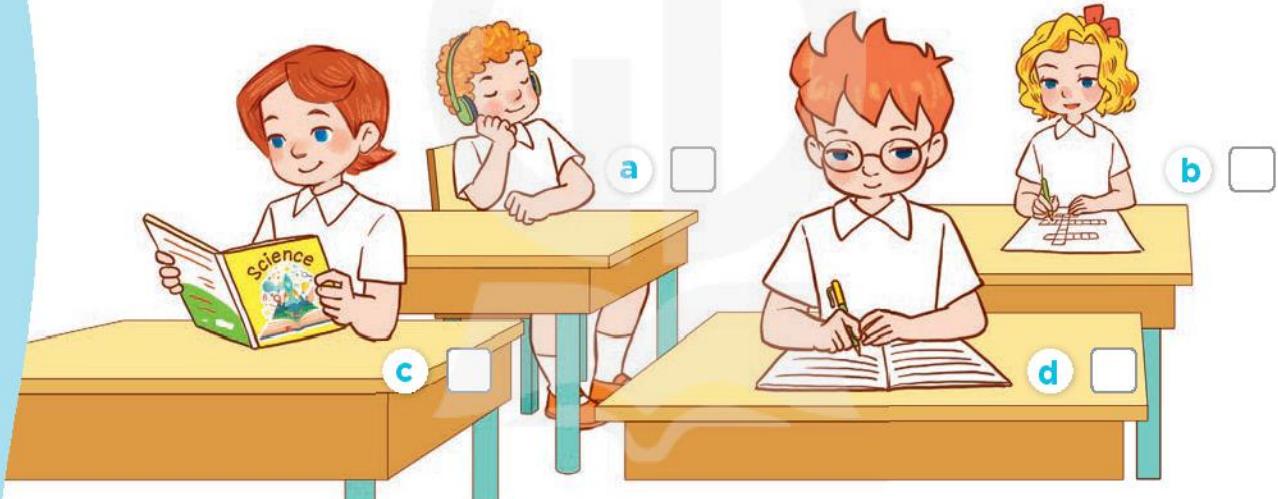
Track  
3

Come in, please!  
Sit down, please!  
Open your books, please!  
Read aloud, please!  
Stand up, please!  
Say goodbye, please!



### 2 Listen and number.

Track  
4



### 3 Listen and act out.

Track  
5



## C. OUTDOOR ACTIVITIES

### 1 Let's play.

#### Miming game



### 2 Follow the lines and say.



1. Look at Minh. His hobby is swimming.

### 3 Read and act out.

Jump.

Jump high!

Kick.

Kick hard!

Cycle.

Cycle fast!



**UNIT  
1**

# My friends

## LESSON 1

**1** Look, listen and repeat.

Track  
6

a

Hello. I'm Minh. I'm from Viet Nam.  
Where are you from?



Hello, Minh. I'm Mary.  
I'm from America.

b

Hi. I'm Lucy. I'm from Britain.  
Where are you from?



Hi, Lucy. I'm Ben.  
I'm from Australia.

**2** Listen, point and say.

Track  
7

Where are you from?



Britain

I'm from \_\_\_\_.



Viet Nam



America



Australia

**3** Let's talk.

Where are you from?

\_\_\_\_.



#### 4 Listen and number.

Track  
81



#### 5 Look, complete and read.



1. I'm Minh. I'm from \_\_\_\_\_.

2. I'm Mary. I'm \_\_\_\_\_.



3. A: \_\_\_\_\_ are you from?

4. A: Where are you \_\_\_\_\_?

B: I'm from \_\_\_\_\_.

B: I'm \_\_\_\_\_.

#### 6 Let's sing.

Track  
9

#### Where are you from?

Hello. I'm Minh.

I'm from Viet Nam.

Hello, Lucy. Where are you from?

I'm from Britain.

Hello, Mary. Where are you from?

I'm from America.

Hello, Ben. Where are you from?

I'm from Australia.



## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
10



### 2 Listen, point and say.

Track  
11

Where's he / she from?

He's / She's from \_\_\_\_.



### 3 Let's talk.



#### 4 Listen and tick.

Track  
12



#### 5 Look, complete and read.



1. A: Where's she from?  
B: She's from \_\_\_\_\_.



2. A: Where's he from?  
B: He's \_\_\_\_\_.



3. A: \_\_\_\_\_ she from?  
B: She's \_\_\_\_\_.



4. A: Where's \_\_\_\_\_?  
B: \_\_\_\_\_ Malaysia.

#### 6 Let's play.

**Find someone who is from ...**

Where are you from?

I'm from \_\_\_\_\_.



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
13

a America I'm from America.

ia Australia She's from Australia.

### 2 Listen and circle.

Track  
14

1. I'm from \_\_\_\_.  
a. America      b. Australia      c. Malaysia

2. He's from \_\_\_\_.  
a. Canada      b. Australia      c. America

### 3 Let's chant.

Track  
15



America, America.  
Mary's from America.  
She's from America.



Australia, Australia.  
Ben's from Australia.  
He's from Australia.



#### 4 Read and tick True or False.

Hello. I am Minh. I am nine years old. I am from Viet Nam. I have two new friends, Tony and Laura. Tony is from America. Laura is from Australia. They are friendly.



1. Minh is nine years old.
2. Minh is from Viet Nam.
3. Tony is from Australia.
4. Laura is from America.

True	False

#### 5 Let's write.

Hi. My name is \_\_\_\_\_. I am \_\_\_\_\_ years old. I am from Viet Nam.

This is my friend, \_\_\_\_\_. He / She is from \_\_\_\_\_. And this is \_\_\_\_\_. He / She is from \_\_\_\_\_.

#### 6 Project

##### Pupil cards

	Name: _____
	Age: _____
	Country: _____

	Name: _____
	Age: _____
	Country: _____

# Time and daily routines

## LESSON 1

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
16**a**

What time is it?

**b**

What time is it?



### 2 Listen, point and say.

Track  
17

What time is it?

**a**

6:00 AM

six o'clock

**b**

6:15 AM

six fifteen

It's \_\_\_\_.

**c**

6:30 AM

six thirty

**d**

6:45 AM

six forty-five

### 3 Let's talk.

What time is it?

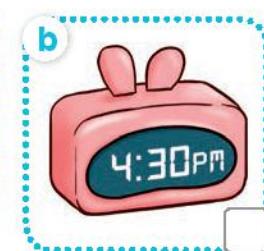
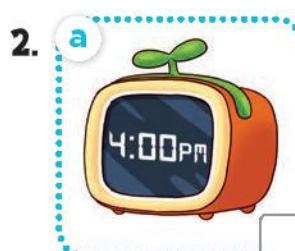
\_\_\_\_

7:00 AM    8:15 AM    2:30 PM    4:45 PM



#### 4 Listen and tick.

Track 18



#### 5 Look, complete and read.



1. A: What time is it?  
B: It's \_\_\_\_\_ o'clock.



3. A: \_\_\_\_\_ is it?  
B: It's three \_\_\_\_\_.



2. A: What time \_\_\_\_\_?  
B: It's one fifteen.



4. A: \_\_\_\_\_ is it?  
B: It's \_\_\_\_\_.

#### 6 Let's play.

Which clock says ...?

It's three fifteen.



A. 6:00 AM

B. 8:00 AM

C. 12:00 AM

It's clock E!

D. 1:15 PM

E. 3:15 PM

F. 5:15 PM

G. 7:30 AM

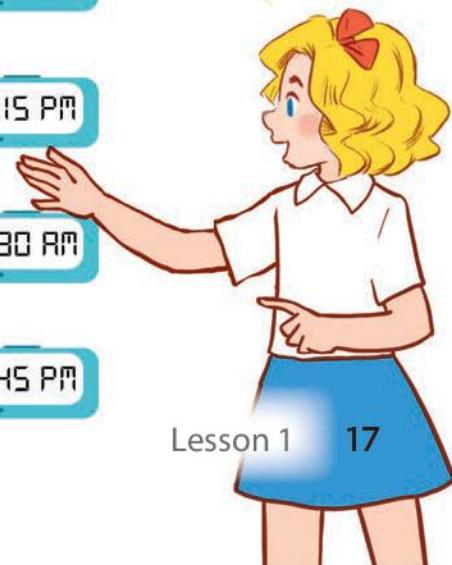
H. 9:30 AM

I. 11:30 AM

J. 2:45 PM

K. 4:45 PM

L. 8:45 PM



## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
19

What time do you get up?

a



What time do you have breakfast?

b



### 2 Listen, point and say.

Track  
20

What time do you \_\_\_\_?



I \_\_\_\_ at \_\_\_\_.



### 3 Let's talk.

What time do you \_\_\_\_?

\_\_\_\_.

#### 4 Listen and number.

Track  
21



5:45 AM



6:00 AM



6:30 AM



9:15 PM

#### 5 Look, complete and read.

1. A: What time do you get up?  
B: I get up at \_\_\_\_\_.



6:00 AM

2. A: What time do you have breakfast?  
B: I have breakfast at \_\_\_\_\_.



6:30 AM

3. A: \_\_\_\_\_ do you go to school?  
B: I go to school at \_\_\_\_\_.



6:45 AM

4. A: What time do you \_\_\_\_\_?  
B: I \_\_\_\_\_ at \_\_\_\_\_.



9:15 PM

#### 6 Let's sing.

Track  
22

### What time do you go to school?

What time do you get up?

I get up at six o'clock.



6:00 AM

What time do you have breakfast?

I have breakfast at six fifteen.



6:15 AM

6:30 AM

What time do you go to school?

I go to school at six thirty.



9:45 PM

What time do you go to bed?

I go to bed at nine forty-five.

## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
23

**t**

get

What time do you get up?

**d**

bed

What time do you go to bed?

### 2 Listen and circle.

Track  
24

1. I \_\_\_\_ at six thirty.

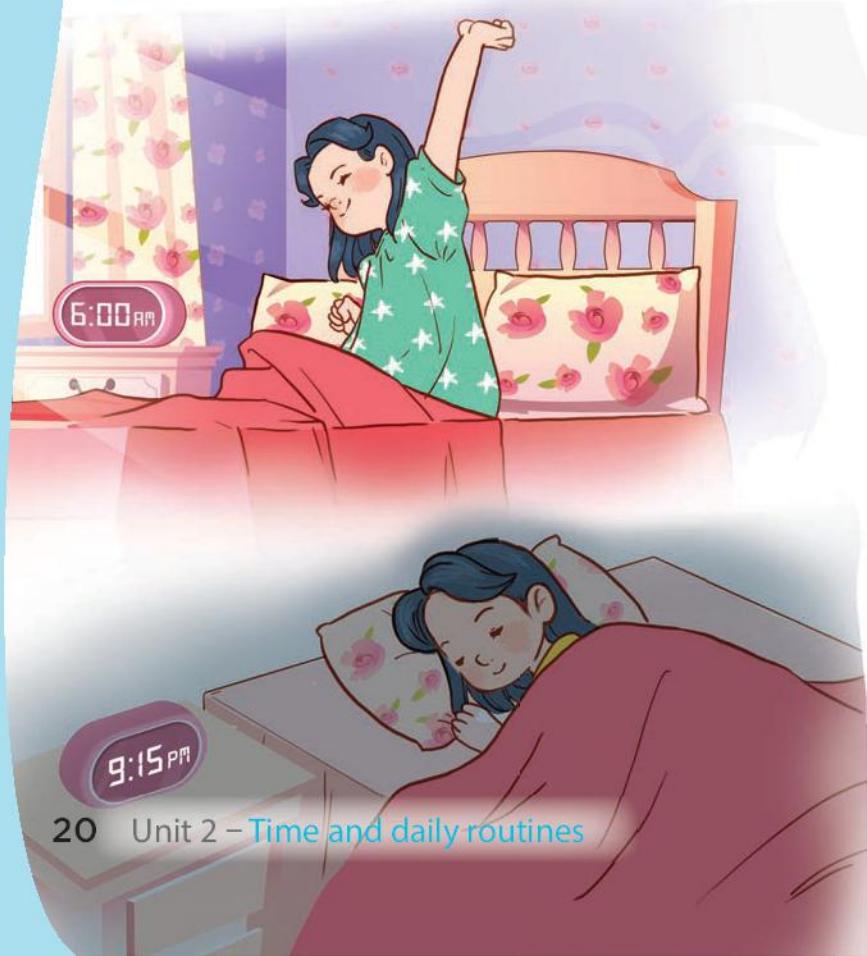
- a. get up
- b. chat with my friends
- c. read a book

2. I \_\_\_\_ at five forty-five.

- a. go out
- b. watch TV with my dad
- c. go to bed

### 3 Let's chant.

Track  
25



Get up, get up.  
I get up at six o'clock.  
I get up at six o'clock.

Go to bed, go to bed.  
I go to bed at nine fifteen.  
I go to bed at nine fifteen.

#### 4 Read and match.

I am a pupil at Hoa Lan Primary School. I get up at six o'clock. I wash my face and clean my teeth. Then I have breakfast at six fifteen. I go to school at seven o'clock. I have lunch at school. I have dinner at home at seven thirty. I do my homework and go to bed at nine forty-five.

1. I get up.

a



2. I go to school.

b



3. I have dinner.

c



4. I go to bed.

d



#### 5 Let's write.

I get up at \_\_\_\_\_. I have breakfast at \_\_\_\_\_. I go to school at \_\_\_\_\_. What about you? What time do you go to school?

#### 6 Project

##### My daily routine

I have lunch at \_\_\_\_\_.  
A boy with red hair and glasses is standing in front of a chalkboard, pointing to three small illustrations on it. The top-left illustration shows a boy stretching in bed at 6:15 AM. The top-right illustration shows a boy eating lunch at 11:45 AM. The bottom illustration shows a boy sleeping in bed at 9:30 PM. A speech bubble above him contains the text "I have lunch at \_\_\_\_\_".

**UNIT  
3**

# My week

## LESSON 1

**1** Look, listen and repeat.

Track  
26

a

Hi, class. What day is it today?



It's Monday.

b

What day is it today?



It's Friday.

**2** Listen, point and say.

Track  
27

What day is it today?

It's \_\_\_\_.

a

Monday

5

b

Tuesday

6

c

Wednesday

7

d

Thursday

8

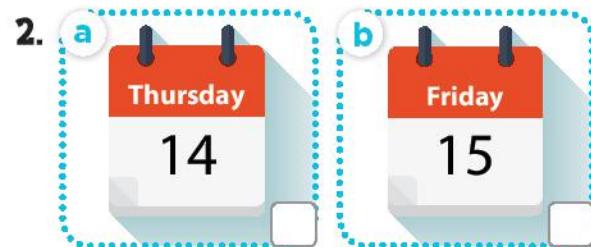
**3** Let's talk.

What day is it today?



#### 4 Listen and tick.

Track  
28



#### 5 Look, complete and read.

1. A: What day is it today?

B: It's \_\_\_\_\_.



2. A: What day is it today?

B: It's \_\_\_\_\_.



3. A: \_\_\_\_\_ is it today?

B: \_\_\_\_\_ Tuesday.



4. A: What day is it \_\_\_\_\_?

B: \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's play.

##### Slap the board



## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
129

What day is it today?

a Thursday, 15 March



It's Thursday.

What do you do on Thursdays?

I study at school.

What do you do on Saturdays?

b



I do housework.

### 2 Listen, point and say.

Track  
130

What do you do on \_\_\_\_\_?

I \_\_\_\_\_.



Mondays / study at school



Wednesdays / go to school



Saturdays / do housework



Sundays / listen to music

### 3 Let's talk.

Tuesdays



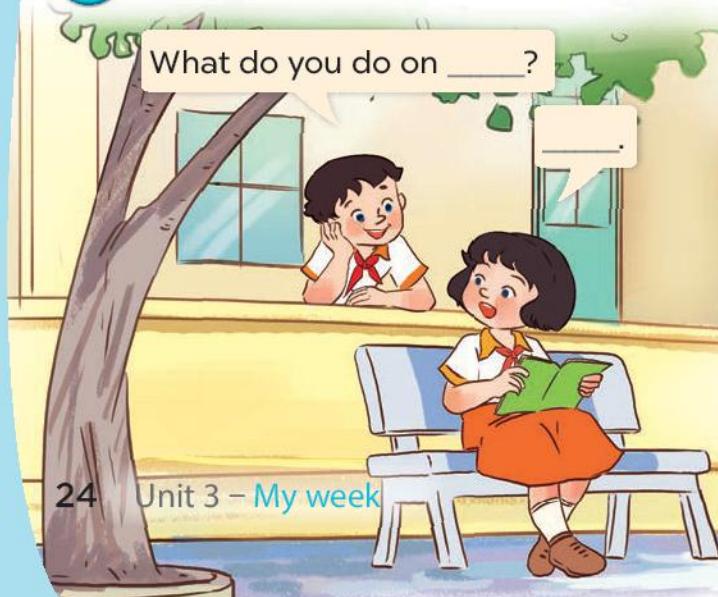
Fridays



Sundays

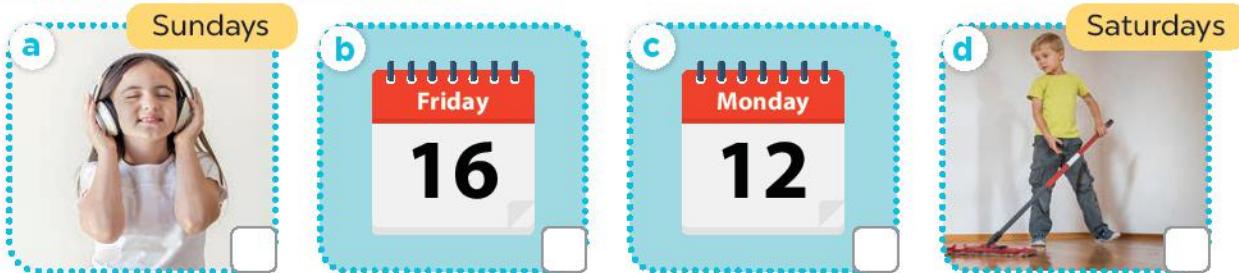


What do you do on \_\_\_\_\_?



#### 4 Listen and number.

Track  
31



#### 5 Look, complete and read.

1. A: What day is it today?

B: It's \_\_\_\_\_.



2. A: \_\_\_\_\_ is it today?

B: It's \_\_\_\_\_.



3. A: What do you do on Thursdays?

B: I \_\_\_\_\_.



4. A: \_\_\_\_\_ do you do on Sundays?

B: I \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's sing.

Track  
32

### What day is it today?

What day is it today?

It's Monday. It's Monday.

What do you do on Mondays?

I study at school. I study at school.



What day is it today?

It's Sunday. It's Sunday.

What do you do on Sundays?

I listen to music. I listen to music.

## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
33

- u music I listen to music on Saturdays.
- u Sunday I do housework on Sundays.

### 2 Listen and circle.

Track  
34

1. a. I listen to music.  
b. I stay at home on Sundays.  
c. I study at school.
2. a. I listen to music.  
b. I study at school.  
c. I like music.

### 3 Let's chant.

Track  
35

Music, music, music.  
I listen to music on Saturdays.  
I listen to music on Saturdays.

Sundays, Sundays, Sundays.  
What do you do on Sundays?  
I do housework on Sundays.



#### 4 Read and complete.

I am Nam. It is Monday today. It is a school day. I go to school on Mondays, Tuesdays, Wednesdays, Thursdays and Fridays. At the weekend, I stay at home. I do housework on Saturdays. I watch TV on Sundays. What do you do at the weekend?

Nam's week						
Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday	Saturday	Sunday
go to school	(1) _____	go to school	(2) _____	go to school	(3) _____	(4) _____

#### 5 Let's write.

I am \_\_\_\_\_. I go to school \_\_\_\_\_. I do housework on \_\_\_\_\_. On Sundays, I \_\_\_\_\_. What do you do at the weekend?

#### 6 Project

##### Weekend activities

On Saturdays, I play football.



**UNIT  
4**

# My birthday party

## LESSON 1

**1** Look, listen and repeat.

Track  
36

a

Hi, Lucy. What are you doing?



I'm making a hat for my birthday party.

b

When's your birthday?

It's in May.



**2** Listen, point and say.

Track  
37

When's your birthday?

JANUARY						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
3	4	5	6	7	1	2
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

FEBRUARY						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

It's in \_\_\_\_\_.

MARCH						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
1	2	3	4	5	6	
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

APRIL						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

**3** Let's talk.

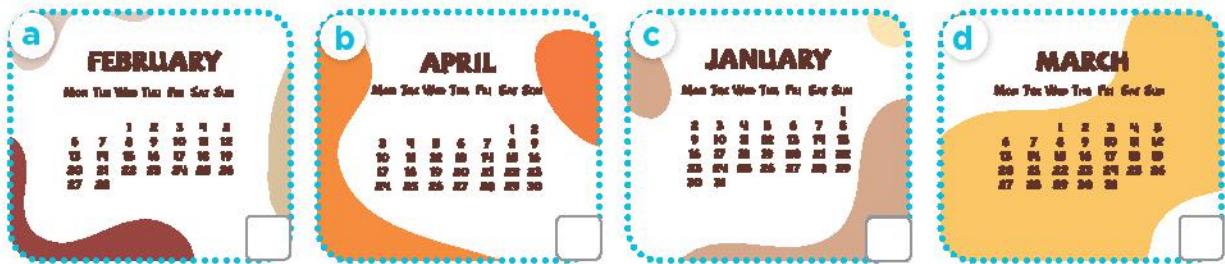
When's your birthday?

\_\_\_\_\_.



#### 4 Listen and number.

Track  
38



#### 5 Look, complete and read.



1. A: When's your birthday?  
B: It's in \_\_\_\_\_.



2. A: When's your birthday?  
B: It's in \_\_\_\_\_.



3. A: When's your \_\_\_\_\_?  
B: It's in \_\_\_\_\_.



4. A: \_\_\_\_\_ your birthday?  
B: It's \_\_\_\_\_.

#### 6 Let's sing.

Track  
39

##### When's your birthday?

When's your birthday?  
When's your birthday?  
It's in January.  
My birthday's in January.

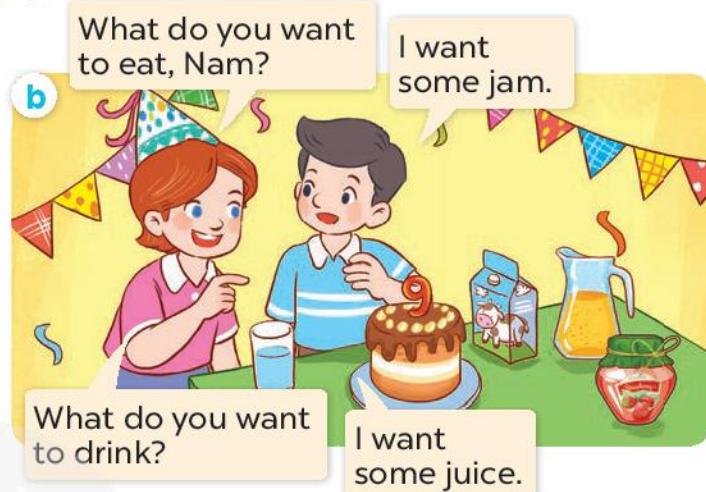


When's your birthday?  
When's your birthday?  
It's in February.  
My birthday's in February.

## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
40



### 2 Listen, point and say.

Track  
41

What do you want to eat / drink?

I want \_\_\_\_\_.



### 3 Let's talk.

What do you want to eat / drink?

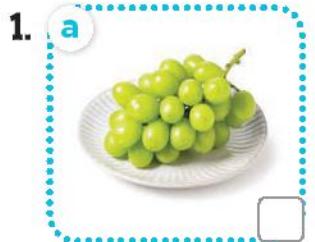
\_\_\_\_\_.



#### 4 Listen and tick.

Track  
42

1. a 



b 



2. a 



b 



#### 5 Look, complete and read.

1. A: Happy birthday, Nam!

B: Thank you. \_\_\_\_\_

do you want to eat, Mary?

A: I want some \_\_\_\_\_.



2. A: What do you want to

\_\_\_\_\_, Ben?

B: I want some water.

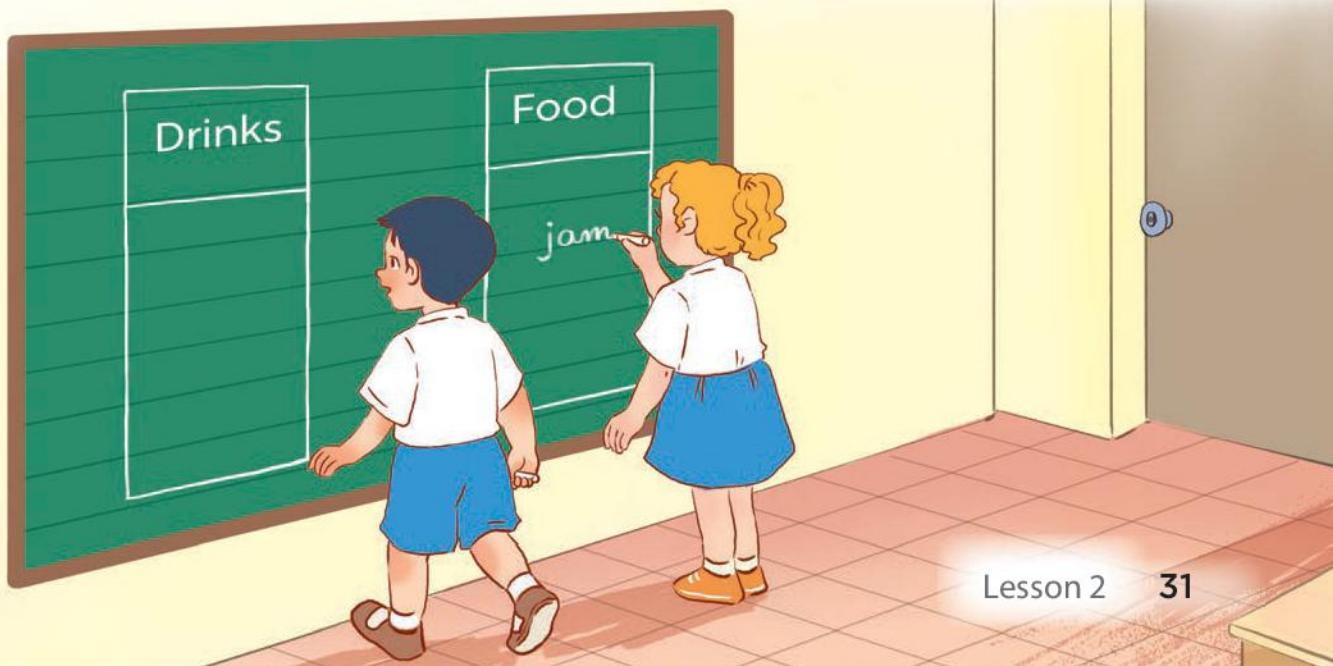
A: What do you want to eat?

B: I want some \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's play.

##### Board race



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
43

**j**

jam

I like jam.

**w**

water

I want some water.

### 2 Listen and circle.

Track  
44



1. I want some \_\_\_\_.

a. jam

b. water

c. juice

2. There is some \_\_\_\_ on the table.

a. juice

b. water

c. jam

### 3 Let's chant.

Track  
45

Jam, jam.

There's jam on the table.

I want some jam.

Water, water.

There's water on the table.

I want some water.



#### 4 Read and circle.

Dear pen friend,

My name's Bill. I'm from Britain. I'm nine years old. My birthday's in March. It's coming soon. I want some chips and some lemonade at my party. What about you? When's your birthday? What do you want to eat and drink at your party?

Write to me soon.

Bill

1. Bill is from \_\_\_\_.  
a. America      b. Britain      c. Australia
2. His birthday's in \_\_\_\_.  
a. March      b. January      c. April
3. He wants some \_\_\_\_.  
a. chips      b. grapes      c. jam
4. He wants some \_\_\_\_.  
a. milk      b. lemonade      c. water

#### 5 Let's write.

My name is \_\_\_\_\_. I am from \_\_\_\_\_. My birthday is in \_\_\_\_\_. I want \_\_\_\_\_ at my party.

#### 6 Project

##### A birthday party invitation



# Things we can do

## LESSON 1

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
46

a I can fly a kite.



I can skip.

b Can you ride a bike?



Yes, I can.

No, I can't.

### 2 Listen, point and say.

Track  
47

Can you \_\_\_\_?

Yes, I can.

No, I can't.

a



ride a bike / yes

b



ride a horse / no

c



play the piano / yes

d

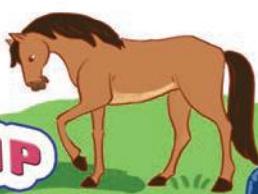


play the guitar / no

### 3 Let's talk.

Can you \_\_\_\_?

Yes, / No, \_\_\_\_.



**SUMMER CAMP**

#### 4 Listen and tick.

Track  
48

1.



2.



#### 5 Look, complete and read.

1. A: Can you play the piano?  
B: \_\_\_\_\_.



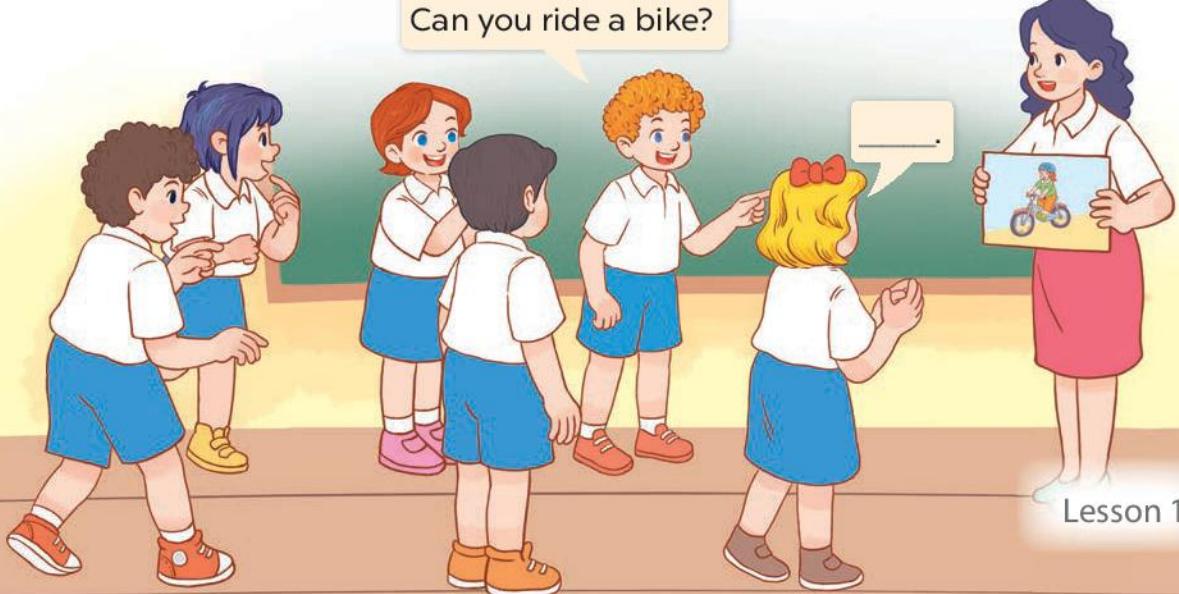
2. A: Can you ride a bike?  
B: \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's play.

Can you ...?

Can you ride a bike?



## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

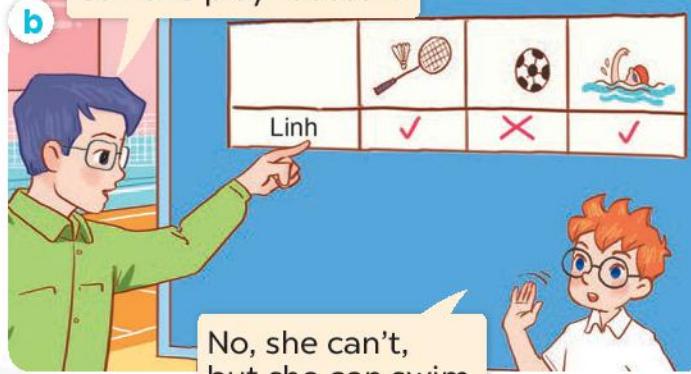
Track  
49

a Can Linh play badminton?



Yes, she can.

b Can she play football?



No, she can't,  
but she can swim.

### 2 Listen, point and say.

Track  
50

Can he / she \_\_\_\_?

Yes, he / she can.

No, he / she can't,  
but he / she can \_\_\_\_.

a



swim / yes

b



roller skate / no / swim

c



cook / yes

d



draw / no / cook

### 3 Let's talk.

Can he / she \_\_\_\_?

Yes, \_\_\_\_.

No, \_\_\_\_ , but \_\_\_\_.



#### 4 Listen and tick or cross.

Track  
51



#### 5 Look, complete and read.



1. A: Can she cook?

B: \_\_\_\_\_, she \_\_\_\_\_.



2. A: Can he draw?

B: \_\_\_\_\_, he \_\_\_\_\_.



3. A: Can she ride a \_\_\_\_\_?

B: No, she can't, but she  
\_\_\_\_\_ swim.



4. A: \_\_\_\_\_ he play badminton?

B: No, he can't, \_\_\_\_\_ he can  
roller skate.



#### 6 Let's sing.

Track  
52

#### Things they can do



She can draw.

She can dance.

She can play the piano,  
but she can't play the guitar.



He can swim.

He can cook.

He can ride a bike,  
but he can't ride a horse.



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
53

y yes

Can you draw? – Yes, I can.

n no

Can she swim? – No, she can't.

### 2 Listen and circle.

Track  
54



1. Can he swim?

- a. Yes, he can.
- b. No, he can't.

2. Can they draw?

- a. Yes, they can.
- b. No, they can't.

### 3 Let's chant.

Track  
55

Can she draw?

No, she can't. No, she can't.

Can she ride a bike?

Yes, she can. Yes, she can.



Can he swim?

No, he can't. No, he can't.

Can he play the piano?

Yes, he can. Yes, he can.



#### 4 Read and tick True or False.

I have three friends, Ha, Khoa and Rosie. Ha can play badminton, but she can't swim. Khoa can ride a bike, but he can't ride a horse. Rosie can play the piano, but she can't play the guitar. I can sing, but I can't dance. We can all roller skate.

True	False

1. Ha can swim.
2. Khoa can't ride a horse.
3. Rosie can play the guitar.
4. They can all roller skate.

#### 5 Let's write.

I have two friends, Lucy and Ben. Lucy can run, but she can't \_\_\_\_\_. Ben can \_\_\_\_\_, but he can't sing. I can \_\_\_\_\_, but I can't \_\_\_\_\_.



#### 6 Project

##### A school club survey

Hoa can swim, but she can't roller skate.

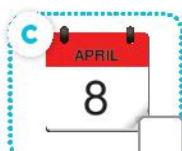
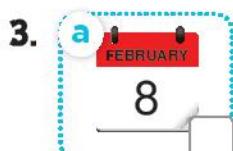
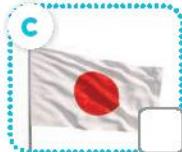


Our school clubs		<input type="checkbox"/> Sports	<input type="checkbox"/> Music
Names	Can you swim?	Can you roller skate?	
Hoa	✓	X	
An	X	X	
Lam	✓	✓	

# Review 1

## 1 Listen and tick.

Track  
56



## 2 Ask and answer.

1. What time do you go to school?



2. What do you want to drink?



3. Where's he from?



4. Can you cook?



### 3 Read and match.

1. What time is it? a. I want some grapes.
2. Where's she from? b. It's in April.
3. When's your birthday? c. It's twelve o'clock.
4. What day is it today? d. She's from Malaysia.
5. What do you want to eat? e. It's Tuesday.

### 4 Read and complete.

My name is Ben. I am nine years old. I am from Australia. I am a pupil at Rose Primary School. I go to school from Mondays to Fridays. I like sports and music. I play football on Tuesdays. I play the guitar on Wednesdays. At the weekend, I stay at home and do housework.

This is Ben. He is from (1) \_\_\_\_\_. He is at school from Mondays to (2) \_\_\_\_\_. His hobbies are sports and music. He can play football. He can play the (3) \_\_\_\_\_. He is at home on (4) \_\_\_\_\_ and Sundays.



### 5 Let's write.

I have a friend. Her name is Ann. She is from  (1) \_\_\_\_\_.

Her birthday is in  (2) \_\_\_\_\_. She can  (3) \_\_\_\_\_ and  (4) \_\_\_\_\_, but she can't  (5) \_\_\_\_\_.

# Extension activities

## 1 Look and write.

America

Australia

Britain

Japan

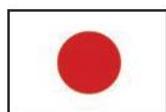
Viet Nam



1. Viet Nam



2. \_\_\_\_\_



3. \_\_\_\_\_



4. \_\_\_\_\_



5. \_\_\_\_\_

## 2 Look and write.

8:00 PM

Washington DC, America

1. In America, it's eight o'clock.

1:00 PM

London, Britain

2. In Britain, it's \_\_\_\_\_.

7:00 PM

Ha Noi, Viet Nam

3. In Viet Nam, it's \_\_\_\_\_.

9:00 PM

Tokyo, Japan

4. In Japan, it's \_\_\_\_\_.

10:00 PM

Canberra, Australia

5. In Australia, it's \_\_\_\_\_.

### 3 Read the questions. Then tick the answers.

1. Which country is near Viet Nam?

A.



Thailand



America



Russia

B.



Australia



Britain



Malaysia

2. Which country is far from Viet Nam?

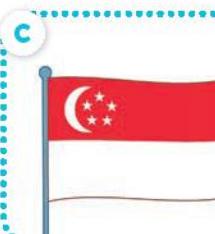
A.



Canada



Thailand

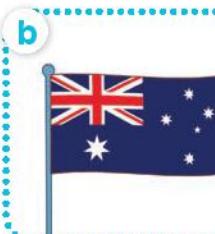


Singapore

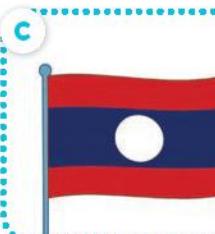
B.



Thailand



Australia



Laos

UNIT  
**6**

# Our school facilities

## LESSON 1

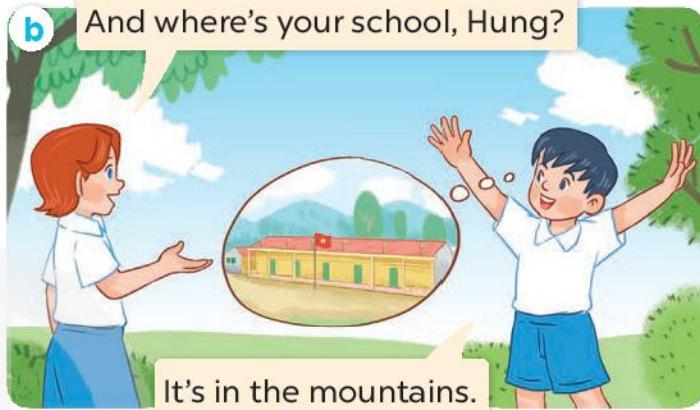
### 1 Look, listen and repeat.

Track  
57

a Where's your school, Lucy?



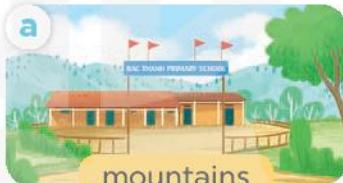
b And where's your school, Hung?



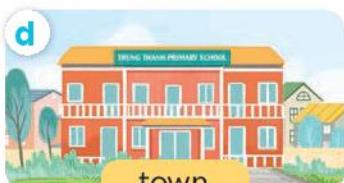
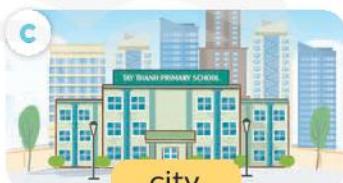
### 2 Listen, point and say.

Track  
58

Where's your school?



It's in the \_\_\_\_\_.



### 3 Let's talk.

Where's your school?



#### 4 Listen and number.



#### 5 Look, complete and read.

1. A: Where's your school?

B: It's in the \_\_\_\_\_.



2. A: Where's your school?

B: It's in \_\_\_\_\_.



3. A: Where's your \_\_\_\_\_?

B: It's in \_\_\_\_\_.



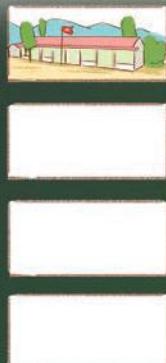
4. A: \_\_\_\_\_ your school?

B: It's \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's play.

##### Matching pairs



## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
60

a

Where's your school, Bill?



b

How many buildings are there at your school?



### 2 Listen, point and say.

Track  
61

How many \_\_\_\_ are there at your school?

There is \_\_\_\_.

There are \_\_\_\_.

a



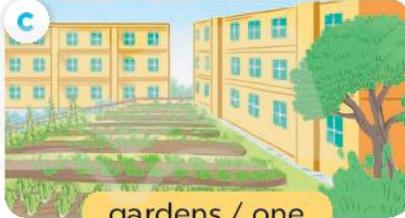
playgrounds / one

b



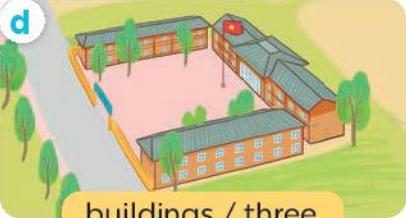
computer rooms / two

c



gardens / one

d



buildings / three

### 3 Let's talk.

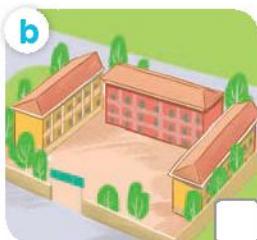
How many \_\_\_\_ are there at your school?

\_\_\_\_\_.



#### 4 Listen and tick.

Track  
62



#### 5 Look, complete and read.



1. A: Nice to meet you, Nam.

Where's your school?

B: It's in the \_\_\_\_\_.

A: How many playgrounds are there at your school?

B: There is \_\_\_\_\_.



2. A: \_\_\_\_\_ buildings are there at your school?

B: There are \_\_\_\_\_.

A: How many gardens \_\_\_\_\_ at your school?

B: There is one.



#### 6 Let's sing.

Track  
63

### Gardens and buildings at my school

How many gardens are there at your school?

There's one. There's one.

There's one garden at my school.

How many buildings are there at your school?

There are three. There are three.

There are three buildings at my school.



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
64

**s** mountains My school is in the mountains.

**es** villages There are three villages near my school.

### 2 Listen and circle.

Track  
65

1. Our school is near two \_\_\_\_.

- a. towns
- b. villages
- c. mountains

2. There are two \_\_\_\_ not far from my school.

- a. mountains
- b. villages
- c. towns

### 3 Let's chant.

Track  
66

Where's your school?  
It's in the mountains.  
It's in the mountains.  
My school is in the mountains.



Where's your school?  
It's in the village.  
It's in the village.  
My school is in the village.

#### 4 Read and complete.



Our school is big. It is in the village. There are three buildings and a garden at our school. The garden has many trees and flowers. There is a big playground. We can play football, badminton and volleyball there.

1. Our school is in the \_\_\_\_\_.
2. There are \_\_\_\_\_ buildings at our school.
3. There is a \_\_\_\_\_ with many trees and flowers.
4. We can play sports in the \_\_\_\_\_.

#### 5 Let's write.



My school is \_\_\_\_\_. There are \_\_\_\_\_. There is \_\_\_\_\_. My school has a playground. We can play there. I love my school!

#### 6 Project

##### Our school



**UNIT  
7**

# Our timetables

## LESSON 1

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
167

a

What time do you have class today, Minh?



b

What subjects do you have today?



### 2 Listen, point and say.

Track  
168

What subjects do you have today?

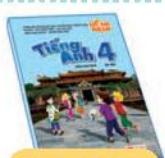
I have \_\_\_\_\_.

a



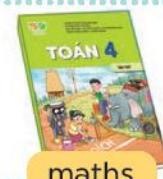
Vietnamese

b



English

c



maths

d



science

### 3 Let's talk.

What subjects do you have today?



#### 4 Listen and tick or cross.

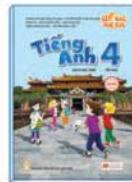
Track  
69



1



2



3



4



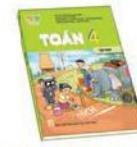
#### 5 Look, complete and read.



1. A: What subjects do you have today?  
B: I have \_\_\_\_\_.



2. A: What subjects do you have today?  
B: I \_\_\_\_\_.



3. A: \_\_\_\_\_ do you have today?  
B: I have English and \_\_\_\_\_.



4. A: What subjects \_\_\_\_\_ today?  
B: I have \_\_\_\_\_ and \_\_\_\_\_.



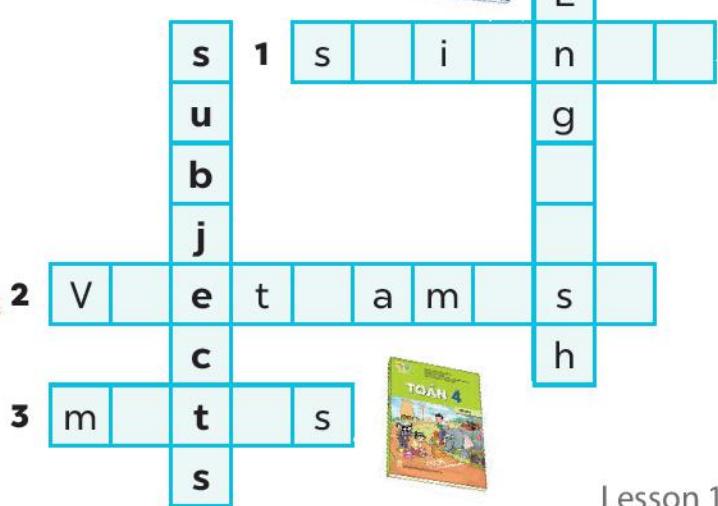
#### 6 Let's play.

**Do the crossword puzzle.**

**Then ask and answer.**

What subjects do  
you have today?

I have \_\_\_\_\_.



## LESSON 2

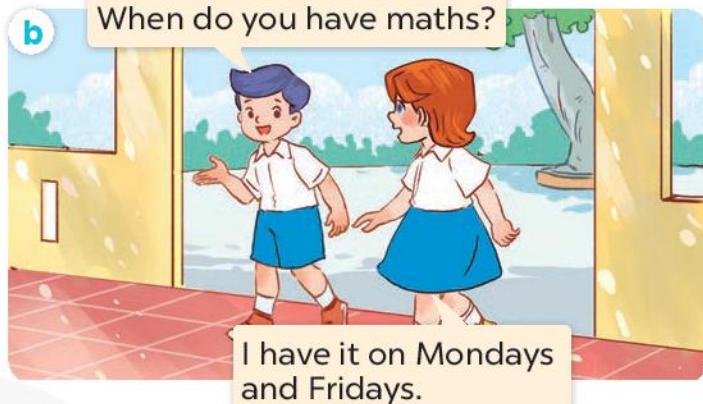
### 1 Look, listen and repeat.

Track  
70

a What subjects do you have today?



b When do you have maths?

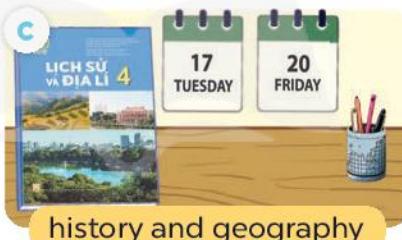


### 2 Listen, point and say.

Track  
71

When do you have \_\_\_\_\_?

I have it on \_\_\_\_\_.



### 3 Let's talk.

When do you have \_\_\_\_\_?



Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday
Vietnamese	English	science	Vietnamese	Vietnamese
maths	music	maths	art	English
science	maths	Vietnamese	maths	maths
English	Vietnamese	history and geography	English	history and geography

#### 4 Listen and tick.

Track  
72

1. a

Monday	Tuesday	Wednesday
	music	

b

Monday	Tuesday	Wednesday
		music

2. a

Wednesday	Thursday	Friday
science	science	

b

Wednesday	Thursday	Friday
science		science

#### 5 Look, complete and read.

1. A: What day is it today?

B: It's Tuesday.

A: \_\_\_\_\_ subjects do you have today?

B: I have \_\_\_\_\_.



2. A: Do you have science today?

B: No, I don't.

A: When do you have \_\_\_\_\_?

B: I have it on \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's sing.

Track  
73

### What subjects do you have today?

What subjects do you have today?

Vietnamese, maths and science.

What subjects do you have today?

Vietnamese, science and maths.

When do you have maths?

I have maths every school day.

When do you have Vietnamese?

I have Vietnamese every school day.



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
74

**se** Vietnamese **se** When do you have Vietnamese **se**?

**ce** science We have science today.

### 2 Listen and circle.

Track  
75

1. When do you have \_\_\_\_? 2. They have \_\_\_\_ today.

- a. science
- b. Vietnamese
- c. maths

- a. maths
- b. science
- c. Vietnamese

### 3 Let's chant.

Track  
76

Science, science.

When do you have science?

I have science today.

I have science today.



Vietnamese, Vietnamese.

When do you have Vietnamese?

We have Vietnamese today.

We have Vietnamese today.



#### 4 Read and circle.

My name is Minh. I go to school from Mondays to Fridays. I have Vietnamese and maths every school day. I have English on Mondays, Thursdays and Fridays. I have science on Wednesdays and Thursdays. I have music on Tuesdays. I like music very much.

1. Minh has \_\_\_\_\_ every school day.  
a. Vietnamese and English      b. Vietnamese and maths
2. He has English on Mondays, \_\_\_\_\_.  
a. Thursdays and Fridays      b. Wednesdays and Fridays
3. He has music on \_\_\_\_\_.  
a. Thursdays      b. Tuesdays
4. He likes \_\_\_\_\_ very much.  
a. science      b. music

#### 5 Let's write.

My name is \_\_\_\_\_. I go to school from Mondays to Fridays. I have \_\_\_\_\_ today. I have \_\_\_\_\_ on \_\_\_\_\_. I have \_\_\_\_\_ on \_\_\_\_\_. I like \_\_\_\_\_ very much.

#### 6 Project

##### My timetable

Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday
Vietnamese	English	science	Vietnamese	Vietnamese
maths	music	maths	art	English
science	maths	Vietnamese	maths	maths
English	Vietnamese	history and geography	English	history and geography



**UNIT  
8**

# My favourite subjects

## LESSON 1

**1** Look, listen and repeat.

Track  
77

Hi, Linh. What subjects do you have today?

a



I have English, science and maths.

I like art. What's your favourite subject?

b



It's PE.

**2** Listen, point and say.

Track  
78

What's your favourite subject?

It's \_\_\_\_\_.



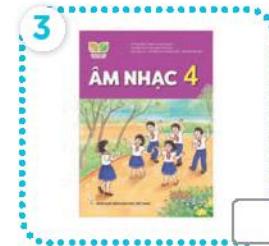
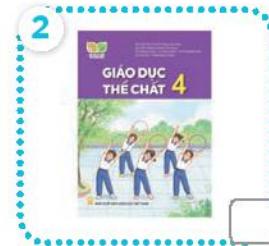
**3** Let's talk.

What's your favourite subject?

\_\_\_\_\_.

#### 4 Listen and tick or cross.

Track  
79



#### 5 Look, complete and read.

1. A: What's your favourite subject?  
B: It's \_\_\_\_\_.



2. A: \_\_\_\_\_ your favourite subject?  
B: It's \_\_\_\_\_.



3. A: What's your favourite \_\_\_\_\_?  
B: It's \_\_\_\_\_.



4. A: What's your \_\_\_\_\_?  
B: It's \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's sing.

Track  
80

##### My favourite subject



I like drawing.  
My favourite subject is art.



I like singing.  
My favourite subject is music.



I like running.  
My favourite subject is PE.

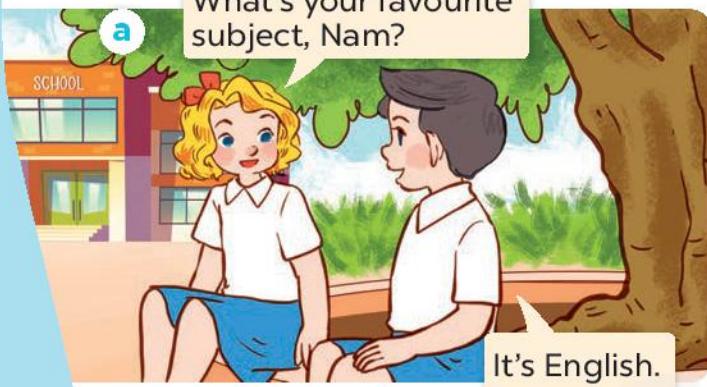
I like computers.  
My favourite subject is IT.

## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
81

a What's your favourite subject, Nam?



It's English.

b Why do you like English?



Because I want to be an English teacher.

### 2 Listen, point and say.

Track  
82

Why do you like \_\_\_\_\_?

Because I want to be \_\_\_\_\_.

a



English

English / an English teacher

b



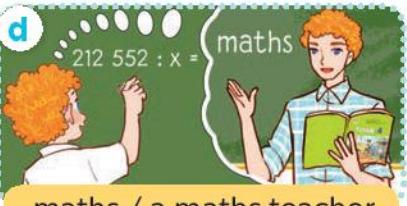
music / a singer

c



art / a painter

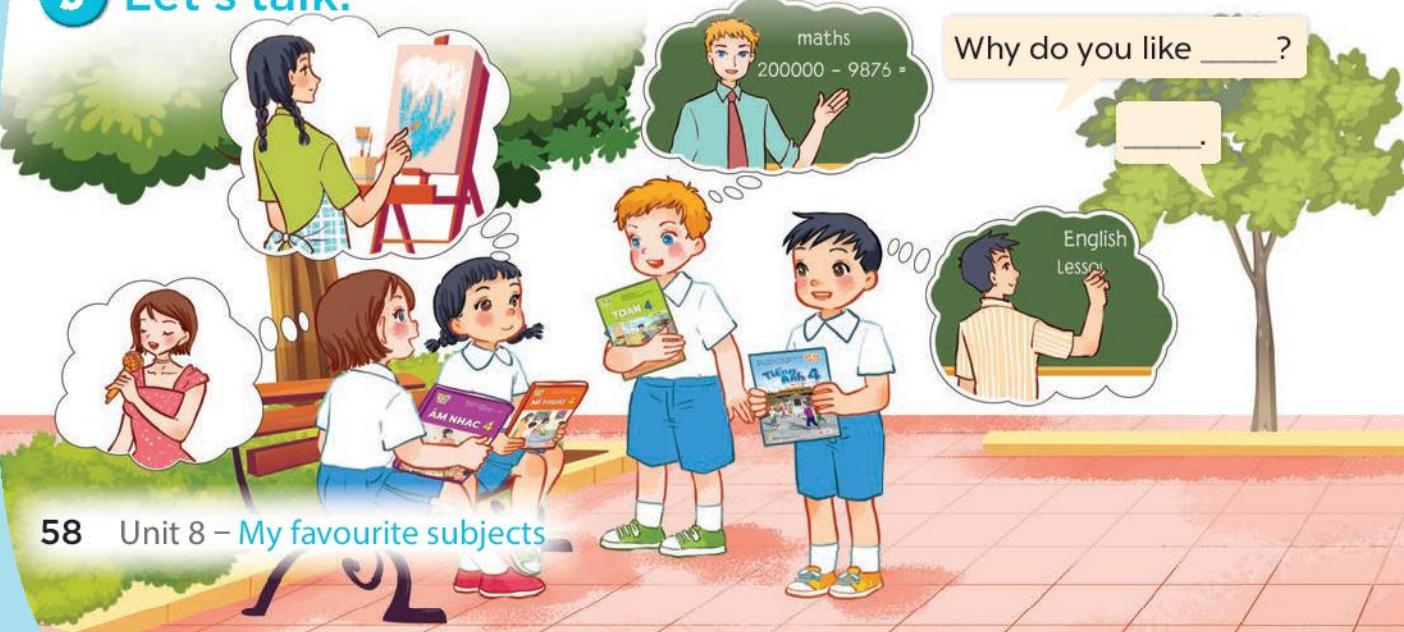
d



maths  
212 552 : x = maths  
maths / a maths teacher

### 3 Let's talk.

Why do you like \_\_\_\_\_?



## 4 Listen and number.

Track  
83



## 5 Look, complete and read.

1. A: What's your favourite subject?

B: It's art. I like it.

A: \_\_\_\_\_ do you like art?

B: Because I want to be a \_\_\_\_\_.



2. A: I like IT. It's my favourite \_\_\_\_\_.

B: Why do you like it?

A: \_\_\_\_\_ I want to be an IT teacher.

How about you?

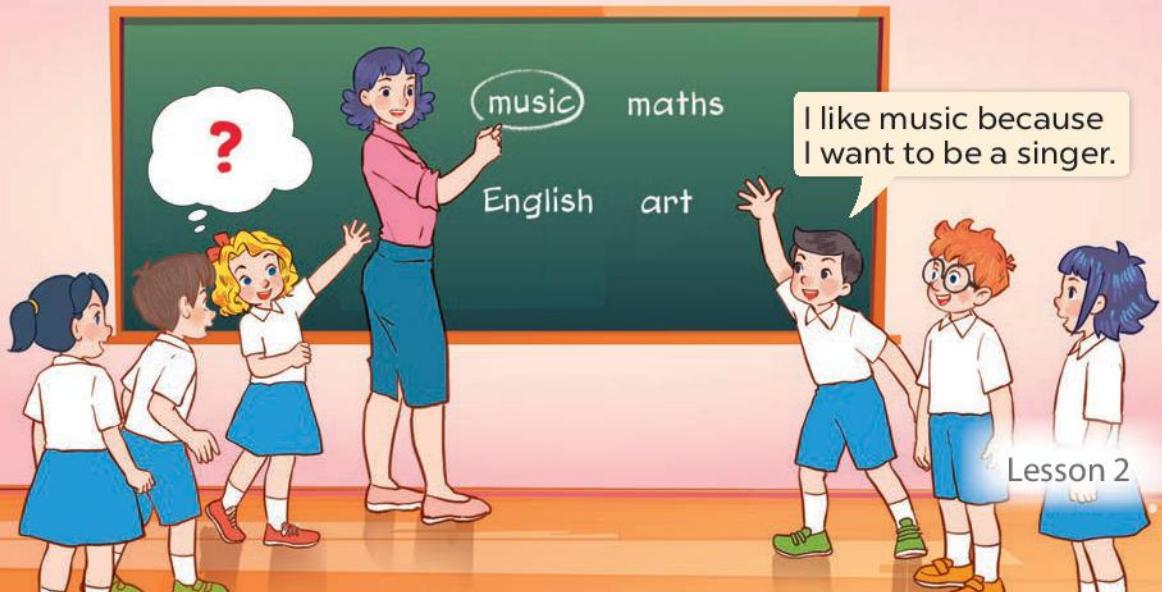
B: My favourite subject is \_\_\_\_\_.

I want to be a singer.



## 6 Let's play.

### Sentence making



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
84

**ke**

like

I like English.

**te**

write

Let's write.

### 2 Listen and circle.

Track  
85

1. a. I like music.

b. I write a story.

c. I write a letter.

2. a. I like Vietnamese.

b. I like English.

c. I write in English.

### 3 Let's chant.

Track  
86

Art, art.

My favourite subject is art.

Why do you like it?

Because I want to be a painter.



English, English.

My favourite subject is English.

Why do you like it?

Because I want to be an English teacher.

#### 4 Read and tick True or False.

My name is Peter. It is Thursday today. I have English, PE, music, art and maths at school. My favourite subject is English. I like it because I want to be an English teacher. I also like music because I want to be a singer too. I do not like maths because I am not good at it.

1. His name is Peter.
2. He has four subjects at school.
3. His favourite subject is English.
4. Music is not his favourite subject.

True	False

#### 5 Let's write.

My name is \_\_\_\_\_. I have \_\_\_\_\_ and maths today.  
My favourite subject is \_\_\_\_\_. I like it because I want to be  
\_\_\_\_\_. What is your favourite subject?

#### 6 Project

##### A survey of favourite subjects

His favourite subject  
is maths.



Name	Favourite subject	Reason
Bill	maths	a maths teacher



**UNIT  
9**

# Our sports day

## LESSON 1

**1** Look, listen and repeat.

Track  
187

a

Our sports day is in May.  
We play many sports and games.

b

Is your sports day in May too?

Great! I like sports.

No, it isn't. It's in April.

**2** Listen, point and say.

Track  
188

Is your sports day in \_\_\_\_?

Yes, it is.

No, it isn't. It's in \_\_\_\_.

a

APRIL

MO	TU	WE	TH	FR	SA	SU
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

April / Yes

b

MAY

MO	TU	WE	TH	FR	SA	SU
1	2	3	4	5	6	7
8	10	11	12	13	14	15
15	17	18	19	20	21	22
22	24	25	26	27	28	29
29						

May / Yes

c

JUNE

MO	TU	WE	TH	FR	SA	SU
1	2	3	4	5		
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

April / No / June

d

JULY

MO	TU	WE	TH	FR	SA	SU
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

May / No / July

**3** Let's talk.

Is your sports day in \_\_\_\_?

\_\_\_\_\_.



## 4 Listen and match.

Track  
89



1.



2.



3.



a

APRIL

MO	TU	WE	TH	FR	SA	SU
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

b

JUNE

MO	TU	WE	TH	FR	SA	SU
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

c

MAY

MO	TU	WE	TH	FR	SA	SU
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

## 5 Look, complete and read.



1. A: Is your sports day in June?

B: Yes, \_\_\_\_\_.

2. A: Is your sports day in \_\_\_\_\_?

B: Yes, it is.

3. A: \_\_\_\_\_ your sports day in February?

B: No, it isn't. It's in \_\_\_\_\_.

4. A: Is your sports day \_\_\_\_\_ July?

B: \_\_\_\_\_. It's in March.



## 6 Let's sing.

Track  
90

### Our sports day

Sports day, sports day.

Is your sports day in May?

Yes, it is. Yes, it is.

It's in May.

SCHOOL SPORTS DAY



Sports day, sports day.

Is your sports day in June?

No, it isn't. No, it isn't.

It's in July.



## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
91

a

What's that?



It's a picture of our sports day.

b

When's your sports day?



It's in October.

### 2 Listen, point and say.

Track  
92

When's your sports day?

It's in \_\_\_\_.



SEPTEMBER



OCTOBER



NOVEMBER



DECEMBER

### 3 Let's talk.

When's your sports day?

\_\_\_\_\_.



#### 4 Listen and tick.

Track  
93



1.

a

DECEMBER

SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

b

OCTOBER

SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

2.

a

SEPTEMBER

SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

b

NOVEMBER

SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

#### 5 Look, complete and read.

1. A: Is your sports day in September?

B: \_\_\_\_\_, it is. When's your sports day?

A: It's in \_\_\_\_\_.



2. A: Our sports day is in October.

\_\_\_\_\_ your sports day in October too?

B: No, it isn't.

A: \_\_\_\_\_ your sports day?

B: It's in \_\_\_\_\_.



#### 6 Let's play.

Who's faster?

Our sports day is in January.

January  
February  
March

Example: Our sports day is in March.



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
94

y February

Our sports day is in February.

y July

My birthday is in July.

### 2 Listen and circle.

Track  
95

1. Is your sports day in \_\_\_\_?

a. July

b. February

c. January

2. I like \_\_\_\_.

a. July

b. January

c. cycling

### 3 Let's chant.

Track  
96

When's your sports day?

In January, February or May?

In January, in January.

It's in January.

## JANUARY

M	T	W	T	F	S	S
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

SCHOOL SPORTS DAY

## JULY

M	T	W	T	F	S	S
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

When's your sports day?

In May, June or July?

In July, in July.

It's in July.



**4**

## Read and tick True or False.



Our sports day is in November. It is in the school playground. There are many pupils and teachers. We play different sports and games. The boys play badminton. The girls play football. The teachers play basketball. It is a lot of fun!

1. The sports day is in November.
2. The sports day is in the school gym.
3. The boys play badminton.
4. The girls play basketball.

True	False

**5**

## Let's write.



Our school sports day is in \_\_\_\_\_. We play sports and games in the school playground. The girls \_\_\_\_\_. The boys \_\_\_\_\_. The teachers \_\_\_\_\_. We all love our sports day.

**6**

## Project

### Our sports day poster

Our sports day is in October. \_\_\_\_\_.



**UNIT  
10**

# Our summer holidays

## LESSON 1

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
97

a

I was in the countryside last weekend.



That's great!

b

Were you in the countryside last weekend?



No, I wasn't. I was in the mountains.

### 2 Listen, point and say.

Track  
98

Were you \_\_\_\_\_ last weekend?

Yes, I was.

No, I wasn't.



a at the zoo / yes



b on the beach / no



c at the campsite / yes



d in the countryside / no

### 3 Let's talk.

Were you \_\_\_\_\_ last weekend?

Yes / No \_\_\_\_\_.



#### 4 Listen and tick.



#### 5 Look, complete and read.



1. I was at \_\_\_\_\_ yesterday.



2. I was \_\_\_\_\_ last weekend.



3. A: Were you in the mountains last weekend?



B: No, I wasn't. I was in \_\_\_\_\_.

4. A: \_\_\_\_\_ you on the beach yesterday?



B: \_\_\_\_\_, I was.

#### 6 Let's sing.



#### Were you on the beach yesterday?

Were you, were you,  
Were you on the beach?  
Were you on the beach yesterday?  
Yes, I was. Yes, I was.  
I was on the beach yesterday.

Were you, were you,  
Were you on the beach?  
Were you on the beach yesterday?  
No, I wasn't. No, I wasn't.  
I was in the countryside yesterday.



## LESSON 2

### 1 Look, listen and repeat.

Track  
101

a Were you in London last summer, Mary?



No, I wasn't.

b Where were you last summer?



I was in Tokyo.

### 2 Listen, point and say.

Track  
102

Where were you last summer?

I was in \_\_\_\_.

a



London

b



Sydney

c



Tokyo

d



Bangkok

### 3 Let's talk.

Where were you last summer?

\_\_\_\_\_.



#### 4 Listen and match.

Track  
103



#### 5 Look, complete and read.

1. A: Where were you last summer, Mai?

B: I was in \_\_\_\_\_.

A: Is it a big city?

B: \_\_\_\_\_, it is.



2. A: \_\_\_\_\_ were you last summer, Nam?

B: I \_\_\_\_\_ in Sydney.

Were you in Sydney, too?

A: \_\_\_\_\_, I wasn't.



#### 6 Let's play.

##### Making sentences



## LESSON 3

### 1 Listen and repeat.

Track  
104

**ere**

were

Were you on the beach last summer?

**ere**

where

Where were you last weekend?

### 2 Listen and circle.

Track  
105



1. a. Were you on the beach last weekend?  
b. Where were you last summer?  
c. Were you in the countryside last summer?
2. a. Where were you last weekend?  
b. Where were you yesterday?  
c. Were you at the campsite yesterday?

### 3 Let's chant.

Track  
106

Were you at the campsite yesterday?

Yes, I was. Yes, I was.

Where were you last summer?

I was on the beach.

Were you on the beach yesterday?

No, I wasn't. No, I wasn't.

Where were you last summer?

I was in the countryside.



#### 4 Read and complete.

I am Mai. Last summer, I was on holiday in London. The city was busy. The food was good. The people were helpful. My holiday was great!



My name is Tony. I was on holiday in Ha Long Bay last summer. The bay was beautiful. The food was excellent. The people were friendly. My holiday was very nice!



1. Last summer, Mai was in London and Tony was in \_\_\_\_\_.
2. London was busy and Ha Long Bay was \_\_\_\_\_.
3. The people in London were \_\_\_\_\_ and the people in Ha Long were friendly.
4. Their holidays were \_\_\_\_\_.

#### 5 Let's write.

I am \_\_\_\_\_. Last summer, I was on holiday in \_\_\_\_\_ with my family. The \_\_\_\_\_ was beautiful. The food was \_\_\_\_\_. The people were \_\_\_\_\_. My holiday was great!

#### 6 Project

##### My last summer holiday

A student stands at the front of a classroom, pointing towards a green chalkboard. On the board, there is a mind map diagram:

- Center: **Nha Trang**
- Left branch: **Beach: beautiful**
- Top branch: **Food: \_\_\_\_\_**
- Right branch: **People: \_\_\_\_\_**

The student is speaking, and a speech bubble contains the text: "Last summer, I was on holiday in Nha Trang. The beach was beautiful. \_\_\_\_\_". In the bottom right corner of the slide, there is a page number: "Lesson 3 73".

# Review 2

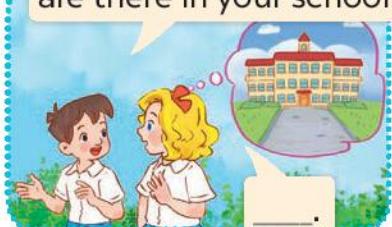
## 1 Listen and tick.

Track  
107



## 2 Ask and answer.

1. How many buildings are there in your school?



2. What's your favourite subject?



3. When is your sports day?



4. Where were you last summer?



### 3 Read and match.

1. What subjects do you have today?

a. I was in Sydney.

2. When do you have art?

b. I have English, maths and Vietnamese.

3. Where were you last summer?

c. Yes, it is.

4. Is your sports day in April?

d. I have it on Wednesdays.

### 4 Read and complete.

were

computer rooms

music

sing

village

Dear Linh,

My school is in the (1) \_\_\_\_\_. There are twenty classrooms, two (2) \_\_\_\_\_ and a beautiful garden.

My favourite subject is (3) \_\_\_\_\_. I can play the piano and (4) \_\_\_\_\_ with my friends.

It was our sports day yesterday. The activities there (5) \_\_\_\_\_ fun. It was great.

Tell me about your school.

Bye!

Joe

### 5 Let's write.

Dear Joe,

My school is in \_\_\_\_\_. There are \_\_\_\_\_ classrooms.

My favourite subject is \_\_\_\_\_. I like it because I \_\_\_\_\_. I love sports. Our last sports day was in \_\_\_\_\_.

Bye!

# Extension activities

## 1 Read and match.

1. There is a lot of traffic. There are many people. It's busy and noisy. Look at the tall buildings!



a. countryside

2. There are many trees and fields. There aren't many people. It's quiet here. Listen! I can hear birds singing.



b. city

## 2 Write *countryside* (a) or *city* (b).

1. tall buildings \_\_\_\_\_

2. many people \_\_\_\_\_

3. a lot of trees \_\_\_\_\_

4. many fields \_\_\_\_\_

5. a lot of traffic \_\_\_\_\_

6. busy \_\_\_\_\_

7. noisy \_\_\_\_\_

8. quiet \_\_\_\_\_

### 3 Board game. Roll a dice. Listen and answer.



# Wordlist

activity	/æk'tivəti/	hoạt động
America	/ə'merɪkə/	nước Hoa Kì
April	/'eɪprəl/	tháng Tư
art	/ɑ:t/	môn Mĩ thuật
August	/'ɔ:gəst/	tháng Tám
Australia	/ɒ'streɪliə/	nước Ô-xtσ-rây-li-a
Bangkok	/bæŋ'køk/	Băng Cốc (thủ đô của nước Thái Lan)
beach	/bi:tʃ/	bãi biển
because	/bɪ'kɒz/	bởi vì
birthday	/'bɜ:θdeɪ/	ngày sinh
Britain	/'brɪtn/	nước Anh
building	/'bɪldɪŋ/	toà nhà
campsite	/'kæmpsایt/	địa điểm cắm trại
can	/kən/, /kæn/	có thể, biết (làm gì)
chips	/tʃɪps/	khoai tây rán
city	/'sɪti/	thành phố
computer room	/kəm'pjju:tə ru:m/	phòng máy tính
countryside	/'kʌntrɪsaɪd/	nông thôn, vùng quê
December	/dɪ'sembə/	tháng Mười Hai
English	/'ɪŋglɪʃ/	môn Tiếng Anh
(English) teacher	/('ɪŋglɪʃ 'ti:tʃə/	giáo viên (dạy Tiếng Anh)
February	/'februəri/	tháng Hai
forty-five	/fɔ:ti 'faɪv/	số 45
Friday	/'fraɪdeɪ/	thứ Sáu
garden	/'ga:dən/	vườn
get up	/get 'ʌp/	thức dậy
go (to bed)	/'gəʊ (tə 'bed)/	đi (ngủ)
go (to school)	/'gəʊ (tə 'sku:l)/	đi (học)
grape	/greɪp/	quả nho
hat	/hæt/	cái mũ
have (breakfast)	/hæv ('brekfəst)/	dùng (bữa sáng)
history and geography	/'hɪstri ænd dʒi'ɒgrəfi/	môn Lịch sử và Địa lí
housework	/'haʊswɜ:k/	việc nhà

IT (information technology)	/aɪ 'ti:/ (/ɪnfə'meɪʃn tek'nɒlədʒi/)	môn Tin học, môn Công nghệ thông tin
jam	/dʒæm/	mứt
January	'dʒænjuəri/	tháng Giêng
Japan	/dʒə'pæn/	nước Nhật
jump	/dʒʌmp/	nhảy
last	/la:st/	trước, lần trước
lemonade	/,lemə'neɪd/	nước chanh
London	/'lʌndən/	Luân Đôn (thủ đô của nước Anh)
Malaysia	/mə'leɪziə/, /mə'leɪzə/	nước Ma-lay-xi-a
March	/mɑ:tʃ/	tháng Ba
maths	/mæθs/	môn Toán, toán học
(maths) teacher	/('mæθs) 'ti:tʃə/	giáo viên (dạy Toán)
May	/meɪ/	tháng Năm
Monday	'mʌndeɪ/	thứ Hai
mountains	/'maʊntənz/	vùng núi
music	/'mju:zɪk/	môn Âm nhạc
November	/nəʊ'vembə/	tháng Mười Một
o'clock	/ə'klɒk/	giờ (dùng sau giờ chẵn, ví dụ: 8 giờ: eight o'clock)
October	/ɒk'təʊbə/	tháng Mười
outdoor	/'aʊtðɔ:/	ngoài trời
painter	/'peɪntə/	hoa sĩ
party	/'pa:ti/	buổi tiệc
PE (physical education)	/,pi: 'i:/ (/fɪzɪkl edʒu'keɪʃn/)	môn Thể dục, môn Giáo dục thể chất
play the guitar	/pleɪ ðə gr'itə:/	chơi đàn ghi ta
play the piano	/pleɪ ðə pi'ænəʊ/	chơi đàn piano
ride (a bike)	/raɪd (ə baɪk)/	đạp xe
ride (a horse)	/raɪd (ə hɔ:s)/	cưỡi ngựa
roller skate	/'rəʊlə skeɪt/	trượt patanh
Saturday	/'sætədeɪ/	thứ Bảy
school garden	/sku:l 'ga:dn/	vườn trường

science	/'saɪəns/	môn Khoa học
September	/sep'tembə/	tháng Chín
Singapore	/,sɪŋgə'pɔ:/	nước Xinh-ga-po
sports day	/'spɔ:ts deɪ/	ngày hội thể thao
stay at home	/steɪ ət həʊm/	ở nhà
story	/'stɔ:ri/	chuyện, câu chuyện
study	/'stʌdi/	học, nghiên cứu
subject	/'sʌbdʒɪkt/, /'sʌbdʒekt/	môn học
Sunday	/'sʌndeɪ/	Chủ Nhật
Sydney	/'sɪdni/	Xít-ni (thành phố của nước Ô-xtơ-rây-li-a)
Thailand	/'taɪlænd/	nước Thái Lan
thirty	/'θɜ:tɪ/	số 30
Thursday	/'θɜ:zdeɪ/	thứ Năm
today	/tə'deɪ/	hôm nay
Tokyo	/'təʊkiəʊ/	Tô-ki-ô (thủ đô của nước Nhật)
town	/taʊn/	thị trấn
Tuesday	/'tju:zdeɪ/	thứ Ba
Viet Nam	/,vi:et'næm/	nước Việt Nam
Vietnamese	/,vi:etnə'mi:z/	môn Tiếng Việt
village	/'vɪlɪdʒ/	ngôi làng
wash	/'wɒʃ/	rửa
Wednesday	/'wenzdeɪ/	thứ Tư
weekday	/'wi:kdeɪ/	ngày trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Sáu)
weekend	/,wi:k'end/	ngày cuối tuần (thứ Bảy và Chủ Nhật)
when	/wen/	khi nào
why	/waɪ/	tại sao
yesterday	/'jestədeɪ/	ngày hôm qua